CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc

Ngày 31/12/2025	26,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.3%	**5.3%**	**4.1%**

DT thuần
Q4/25
33.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼64.9| -65.9%
YoY: ▲ 6.80| 25.3%

LN thuần
Q4/25
26.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼64.4| -70.8%
YoY: ▼1.90| -6.8%

LN sau thuế
Q4/25
22.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.0| -71.1%
YoY: ▼1.30| -5.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
84.5%
YoY: +/-▼ 36.5%

ROE
2025
14.6%
YoY: +/-▼ 0.6%

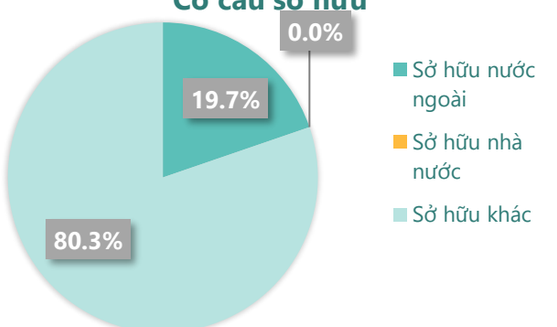
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	21,781 - 33,732
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,105
Số lượng CPLH (CP)	41,236,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,750
Sở hữu nước ngoài	19.7%
Beta	0.17
EPS	3,122
P/E	8.6

DT thuần
2025
184
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 64.0| 54.2%

LN thuần
2025
152
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.0| 13.8%

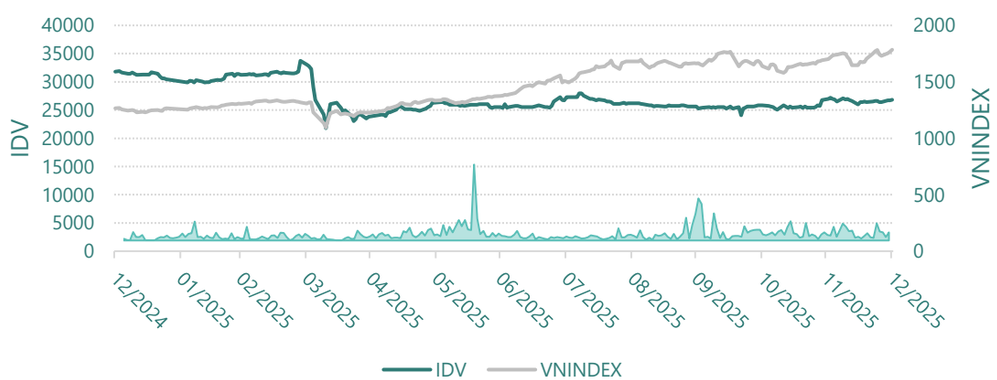
LN sau thuế
2025
129
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.00| 2.1%

Cơ cấu sở hữu

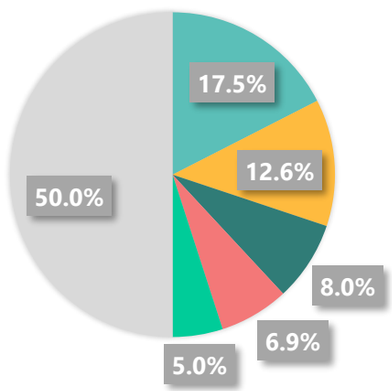


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



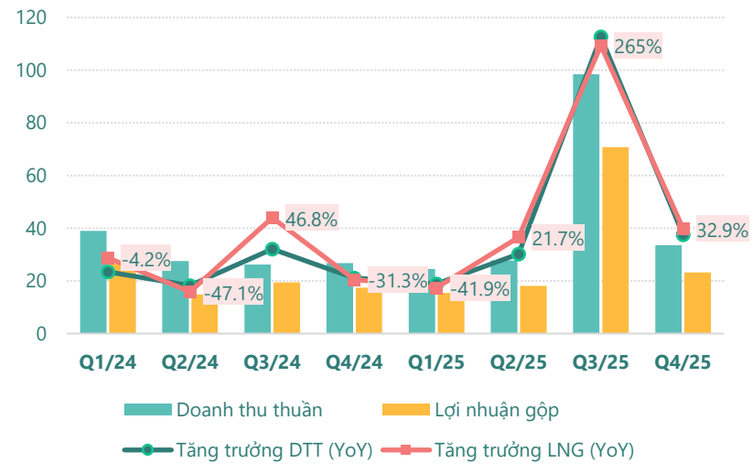
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

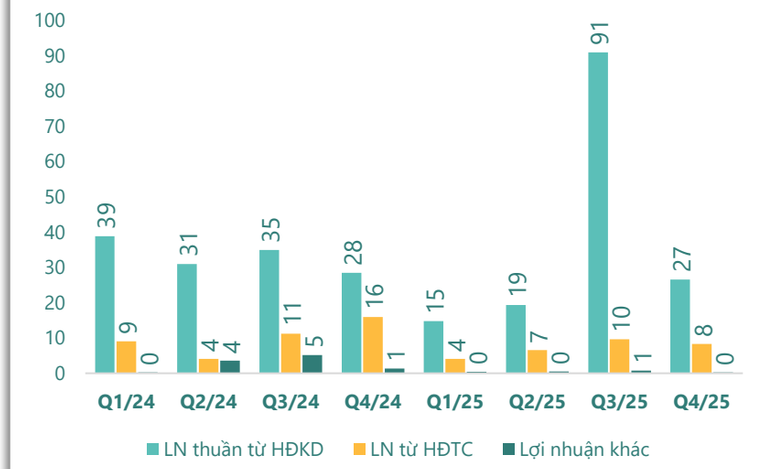
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



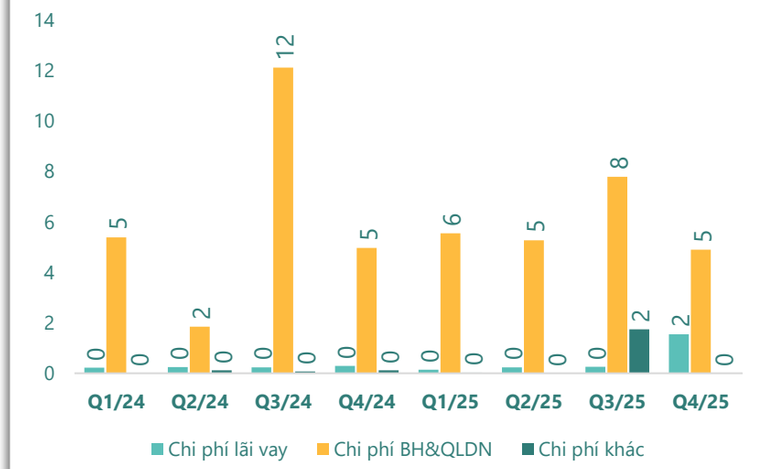
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



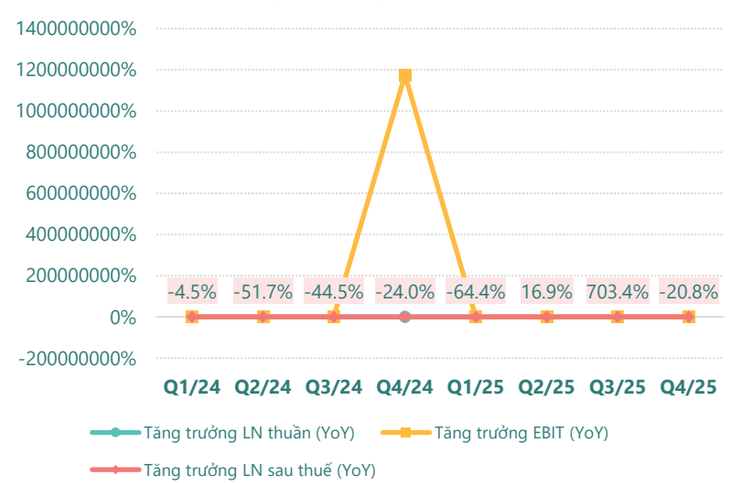
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



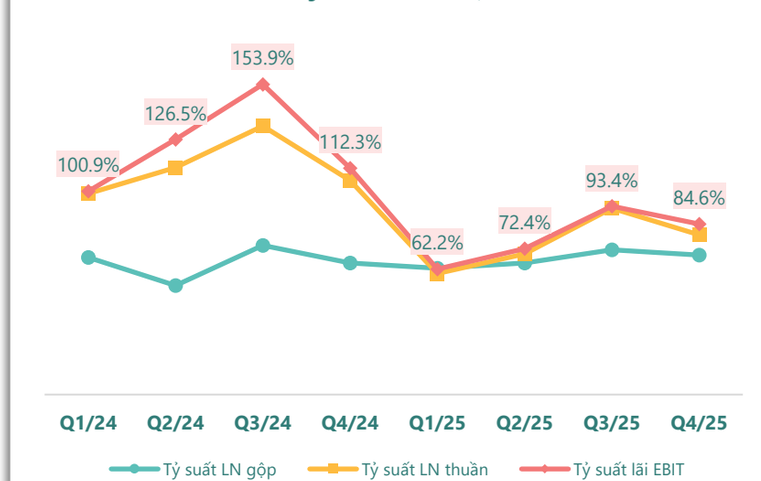
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



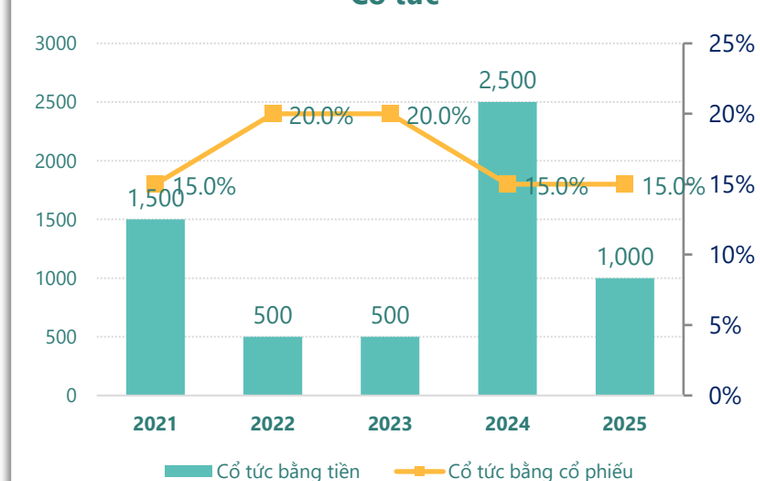
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

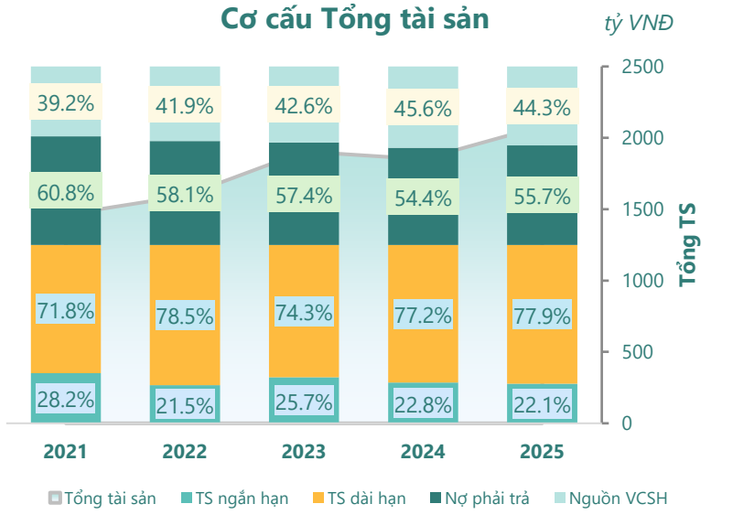
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

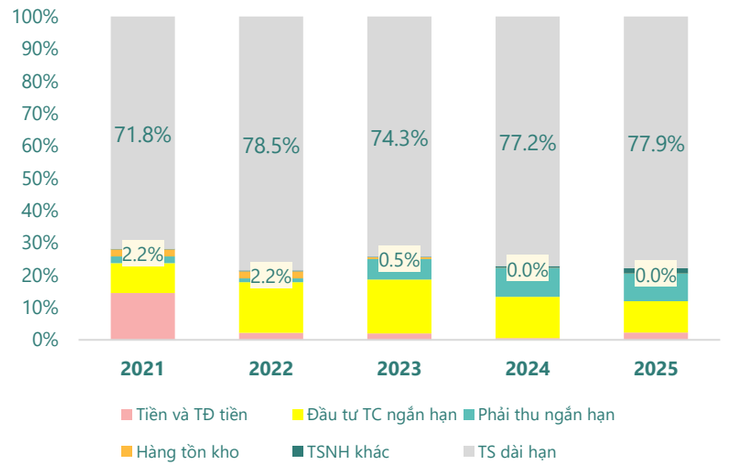
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



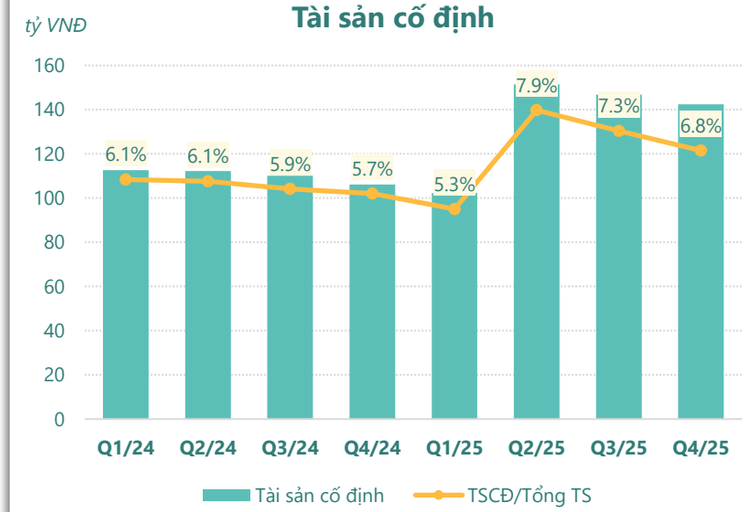
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



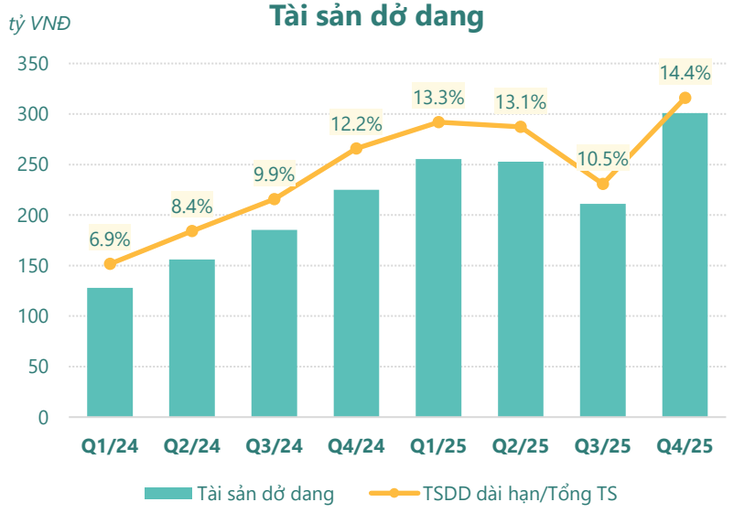
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



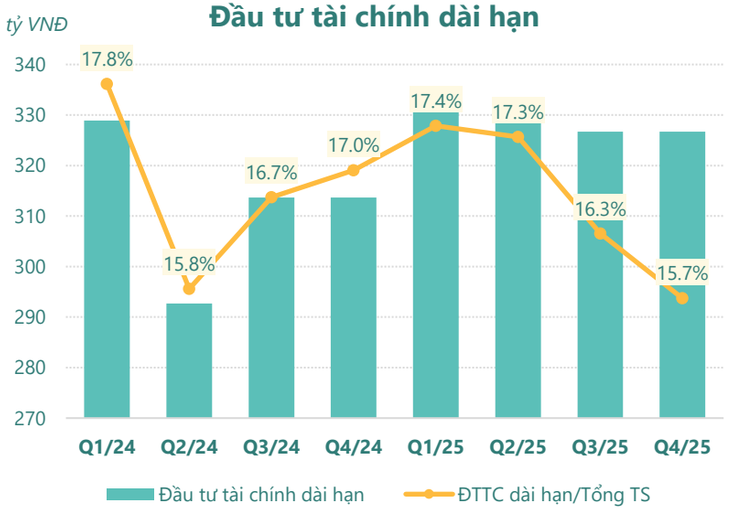
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



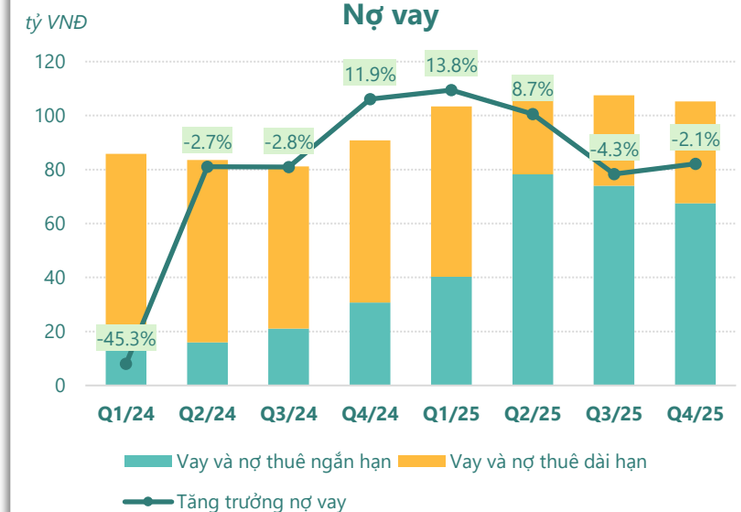
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

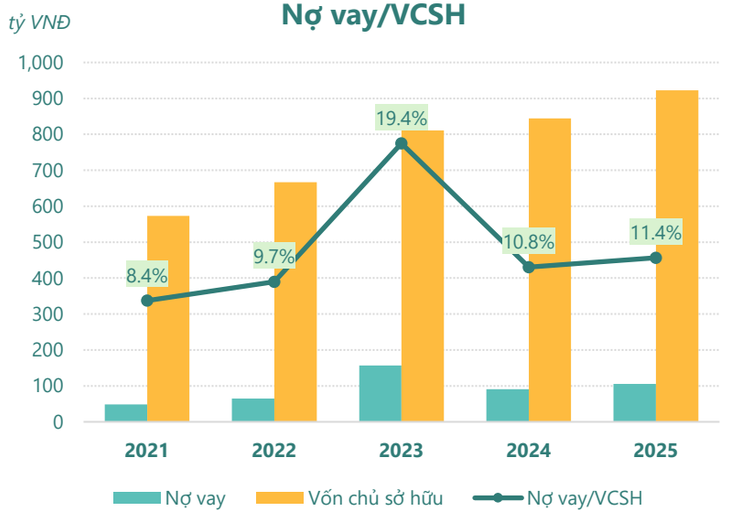
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

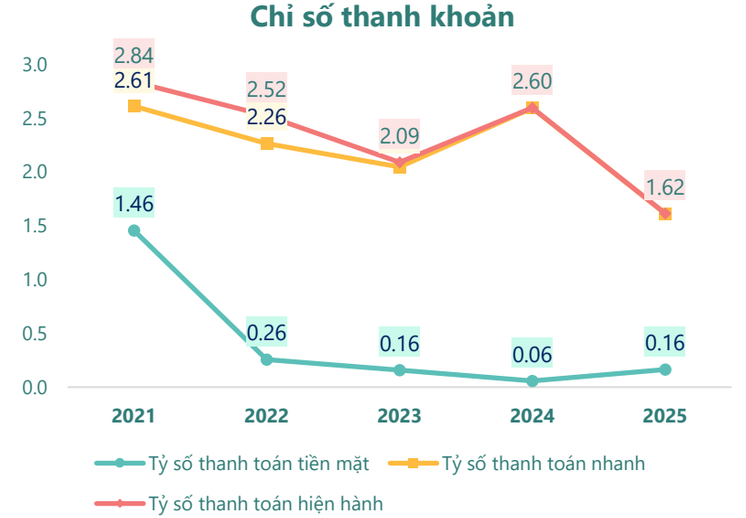
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



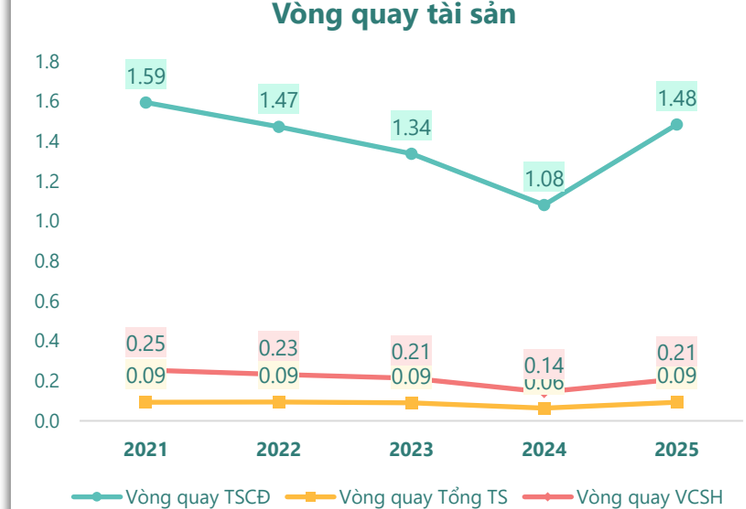
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



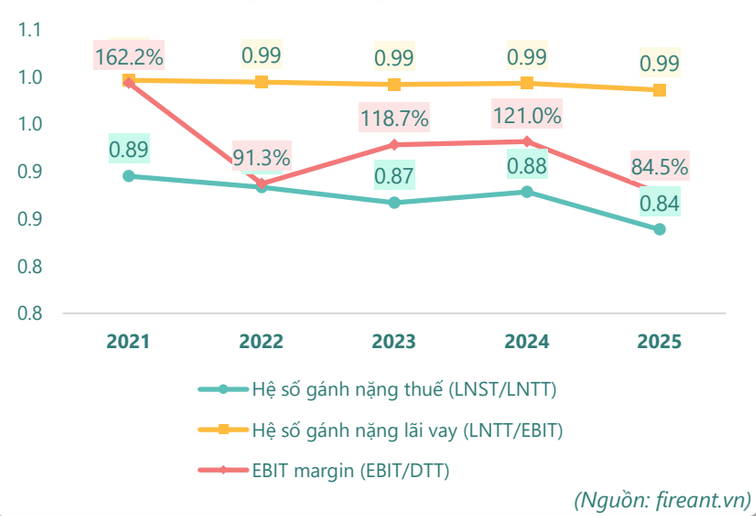
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



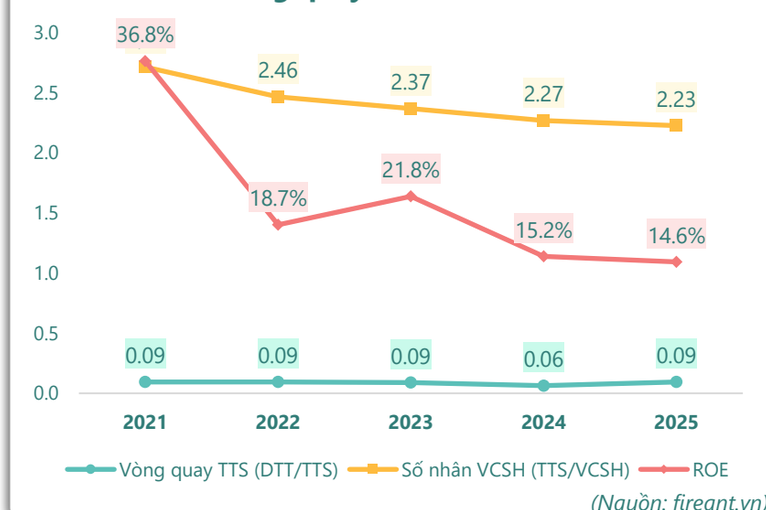
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



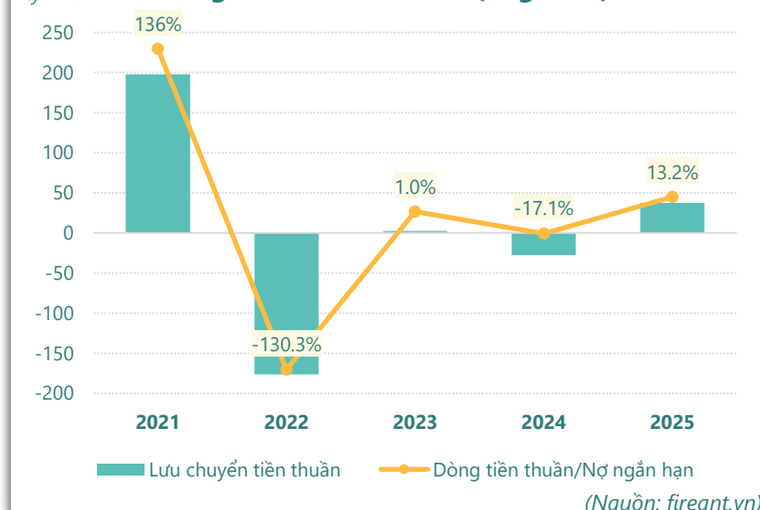
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**33.6**	**26.8**	**25.3%**	**184**	**120**	**54.2%**
Giá vốn hàng bán	10.4	9.33	11.1%	56.9	41.3	37.8%
Lợi nhuận gộp	23.2	17.5	32.6%	128	78.3	62.9%
Doanh thu HĐTC	8.47	16.7	-49.3%	43.3	42.3	2.4%
Chi phí TC	0.20	0.72	-72.6%	14.8	1.89	683%
Chi phí lãi vay	1.54	0.29	432%	2.17	1.00	118%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**19.2**	**38.9**	**-50.6%**
Chi phí bán hàng	0.08	0.08	2.3%	0.40	0.58	-31.7%
Chi phí QLDN	**4.83**	**4.89**	**-1.3%**	**23.1**	**23.8**	**-2.6%**
LN thuần từ HĐKD	26.6	28.5	-6.8%	152	133	13.8%
Lợi nhuận khác	**0.30**	**1.34**	**-77.8%**	**1.93**	**10.4**	**-81.5%**
LN trước thuế	26.9	29.8	-9.8%	154	144	6.9%
Lợi nhuận sau thuế	**22.4**	**23.7**	**-5.7%**	**129**	**126**	**2.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.4**	**23.7**	**-5.7%**	**129**	**126**	**2.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-39.7	0.72	83.0	42.2	105	64.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	51.3	-4.57	-79.7	-29.3	-125	-37.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.87	-44.1	12.6	8.99	-4.86	-2.28
Tiền đầu kỳ	45.0	57.4	9.42	25.3	47.2	22.3
Lưu chuyển tiền thuần	**12.4**	**-48.0**	**15.9**	**21.8**	**-24.9**	**24.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	57.4	9.42	25.3	47.2	22.3	47.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,083**	**1,850**	**12.6%**
Tài sản ngắn hạn	461	421	9.4%
Tiền và tương đương tiền	47.0	9.42	399%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	203	238	-14.7%
Phải thu ngắn hạn	178	164	8.8%
Hàng tồn kho	0.12	0.55	-78.3%
Tài sản ngắn hạn khác	33.1	10.0	231%
Tài sản dài hạn	**1,622**	**1,429**	**13.5%**
Phải thu dài hạn	600	597	0.4%
Tài sản cố định	142	106	34.1%
Bất động sản đầu tư	75.5	23.3	225%
Tài sản dở dang	301	225	33.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	327	314	4.2%
Tài sản dài hạn khác	**177**	**164**	**8.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,160	1,006	15.3%
Nợ ngắn hạn	**285**	**162**	**75.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.5	30.8	120%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.3	6.72	202%
Nợ dài hạn	875	844	3.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	37.8	60.1	-37.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**923**	**844**	**9.3%**
Vốn chủ sở hữu	**923**	**844**	**9.3%**
Vốn điều lệ	412	359	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)